

Bản án số: 106/2021/HSST
Ngày: 10/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Ngọc Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2021/TLST-HS, ngày 06 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

T, sinh năm 1996, tại tỉnh Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông H và bà K; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 18/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2021 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 93/CT-VKS.CC ngày 05/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cử Chi để xét xử T về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/10/2020, T đi xe buýt từ cầu Tân Thái, xã Thái Mỹ, huyện Cử Chi đến ngã tư Cây Bài xã Phước Vĩnh An, huyện Cử Chi, T đi bộ đến khách sạn Cát An thuê phòng nghỉ. Tại khách sạn, T dùng chứng minh nhân dân mang

tên Đoàn Văn Hiệp, do T nhặt được trước đó, để đăng ký lưu trú tại phòng 301, lầu 3. Sau đó, T hẹn bạn tên Trung (chưa rõ lai lịch) đến khách sạn để cùng sử dụng ma túy. Đến khoảng 18 giờ, T đến tiệm nét gần cầu vượt Củ Chi chơi. Đến khoảng 02 giờ 30' sáng ngày 09/10/2020, Trung gọi điện thoại kêu T đưa Trung về nhà. Khoảng 03 giờ cùng ngày, T nói với Trung để T đi mượn xe. Sau đó, T đi xuống nhà để xe của khách sạn quan sát thấy có nhiều xe nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T quay trở lại phòng nghỉ 301, vào nhà vệ sinh nhặt 01 sợi kẽm ngắt bỏ vào túi quần Jean rồi quay ra nói với Trung đã mượn được xe. Khi T xuống đến sảnh khách sạn gặp bà A, là quản lý khách sạn và dọn dẹp phòng, T nói bà A mở cửa cho T dắt xe ra. T dặn bà A là T đi khoảng 01 giờ sẽ quay lại và yêu cầu bà A dọn dẹp phòng 301. Bà A nghĩ xe do T gửi nên không kiểm tra số mà mở cửa cho T ra. Lợi dụng lúc bà A ra mở khóa cổng, T rút dây điện của xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 93P2-204.16 của ông H và dùng sợi kẽm câu lại đề nổ máy xe chạy ra cổng chờ Trung về nhà.

Trên đường đi xe bị chết máy, T bứt dây điện xe để kích nổ nhưng không được nên dắt xe vào một tiệm sửa xe ở ngã tư đường Ba Sa và Quốc lộ 22, T gọi cửa thì có người ra mở cửa nhưng nói không sửa được, T mượn phụ tùng tự sửa. Lúc này, lực lượng tuần tra Công an xã Phước Hiệp thấy nghi vấn nên mời T về Công an xã làm việc. Qua xét nghiệm ma túy, T dương tính với ma túy tổng hợp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 272 ngày 26/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Củ Chi kết luận giá trị xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 93P2-204.16 là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm theo Cáo trạng số 93/CT-VKS.CC ngày 05/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 93P2-204.16 và 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn Ngoan đã trả cho chủ sở hữu (BL50,52,162) nên không xét; 01 USB có chứa hình ảnh vụ việc đề nghị Hội đồng xét xử lưu hồ sơ.

- Về dân sự: Chủ khách sạn là bà D đã bồi thường thiệt hại sửa xe cho ông H là 5.900.000 đồng. Bà D yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại số tiền này là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người thanh niên tên Trung chưa rõ lai lịch, T khai không nói cho Trung biết về việc T chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ xử lý sau.

Bị cáo không tranh luận, không tự bào chữa.

Lời nói sau cùng bị cáo T: Xin Hội đồng xét xử khoan hồng xử mức án thấp nhất để sớm về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Bị cáo nói dối lấy xe đưa bạn về để bà A, là người được Chủ khách sạn Cát An giao quản lý khách sạn, tin và mở cửa để bị cáo vào lấy xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 93P2-204.16 của ông H, theo kết luận định giá tài sản là 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận bị cáo T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo vẫn bất chấp. Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

Bị cáo không có tiền sự, có 01 tiền án là vào ngày 18/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử nghĩ nên khoan hồng giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về dân sự: Do bà D, là chủ khách sạn đã bồi thường thiệt hại sửa xe cho ông H là 5.900.000 đồng. Tại phiên tòa, bà D yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền này, bị cáo đồng ý, Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà D 5.900.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 93P2-204.16 và 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn Ngoan đã trả cho chủ sở hữu (BL50,52,162) nên Hội đồng xét xử không xét; 01 USB có chứa hình ảnh vụ việc Hội đồng xét xử tiếp tục lưu hồ sơ làm chứng cứ.

[5] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “...Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án...”, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên như nêu trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2021.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho bà D số tiền 5.900.000 (năm triệu chín trăm nghìn) đồng, thi hành một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho bà D tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Công an H. Củ Chi;
- CQ THA Hình sự;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thắm